

台越文化協會章程

章程訂定版本說明：

- 2009/5/27向內政部提出籌組申請，按部版定型稿擬章程草案。
- 2009/07/02 按內政部內社字第0980122143 號函修訂建議修改。
- 2009/09/01 依2009/0702版本於第一次籌備會議通過。
- 2009/10/16 根據第一次籌備會議通過版翻寫台文版。
- 依2009/10/16版於2009/12/12 會員大會討論通過。並報經內政部2010年01月05日台內社字第0980242186號函准備查。

第一章 總則

- 第一條 台越文化協會（以下簡稱本會）以促進台灣、越南 ê 文化、教育 kap 學術互動為宗旨。
- 第二條 本會是依法設立、無用營利做目的 ê 社會團體。
- 第三條 本會用全國行政區域做組織 ê 區域。
- 第四條 本會會址設 tī 主管機關所在地區，ē-sái 報請主管機關核准設分部機構。前項分部機構組織簡則由理事會擬訂，報請主管機關核准了照行。會址 kap 分部機構 ê 地址 tī 設立 kap 變更 ê 時 òi 函報主管機關核備。
- 第五條 本會 beh 推行 ē 事工有：
1. 促進台灣、越南學術教育機關 ê 交流。
 2. 促進台灣、越南文化表演、藝術團體 ê 互相展覽、演出。
 3. 培訓促進台灣、越南文化交流 ê 人才。
 4. 協助 tī 越南 ê 台灣人民在地 ê 生活適應 kap 權益保障。
 5. 協助 tī 台灣 ê 越南人民在地 ê 生活適應 kap 權益保障。
 6. 辦理台灣、越南比較研究 ê 學術研討會。
 7. 辦理台灣、越南文化交流 ê 相關營隊 kap 活動。
 8. 辦理台語、越南語 ê 推廣課程 kap 活動。
 9. 其他符合宗旨 ê 代誌。
- 第六條 本會 ê 主管機關是內政部。目的事業機關依章程所訂 ê 宗旨、任務主要是教育部 kap 行政院文化建設委員會。本會 ê 目的 òi 受各主管機關 ê 指導、監督。

第二章 會員

- 第七條 本會會員申請資格：
1. 個人會員：Kìⁿ-nā 認同本會宗旨，有志 tī 台灣 kap 越南相關學習、研究--ê、對台灣、越南文化有興趣、對台灣、越南文化交流熱心 ah-sī 有意思推廣--ê，ē-sái

向本會申請入會。本會個人會員分做：

- 1.1.一般會員：Kiⁿ-nā 認同本會宗旨、滿 20 歲，填入會申請書，koh 由本會會員 1 個人以上 ê 推薦，經過理事會審查通過，而且納會費了後，成做個人會員。
- 1.2.學生會員：滿 18 歲以上，附在學證明，填入會申請書，koh 由本會會員 1 個人以上 ê 推薦，經過理事會審查通過，而且納會費了後，成做學生會員。
- 2.團體會員：Kiⁿ-nā 認同本會宗旨 ê 公私立機構 ah-sī 團體，填入會申請書，koh 由本會會員 1 個人以上 ê 推薦，經過理事會審查通過，而且納會費了後，成做團體會員。團體會員 ē-sái 推派代表上濟 2 個人，行使會員權利。
- 3.贊助會員：Kiⁿ-nā 熱心贊助本會工作 ê 團體 ah-sī 個人，經過理事會審查通過，成做贊助會員。
- 4.榮譽會員：對本會有貢獻 ê 個人 ah-sī 團體，經過理事會審查通過，成做榮譽會員。

第 八 條 會員（包含一般會員 kap 團體會員 ê 代表、會員代表）有表決權、選舉權、被選舉權 kap 罷免權，以上會員隴有 1 權。贊助會員、學生會員 kap 榮譽會員無前項 ê 權利。

第 九 條 會員有遵守本會章程、決議 kap 納會費 ê 義務；無納會費--ê，bē-sái 享受會員 ê 權利。連續 2 年無納會費--ê，當做自動退會。

第 十 條 會員（會員代表）有違反法令、章程 ah-sī 無遵守會員大會決議 ê 時，ē-sái 經過理事會決議，kā 伊警告 ah-sī 停權處分，若是危害團體情節重大--ê，ē-sái 經過會員大會 ê 決議 kā 伊除名。

第 十 一 條 會員有下 pīng 所列 ê 事項其中 1 項--ê，tiòh-sī 出會：

1. 失去會員資格--ê。
2. 經過會員大會決議除名--ê。

第 十 二 條 會員 ē-sái 用書面向本會聲明退會。

第三章 組織及職權

第 十 三 條 本會以會員大會成做上懸 ê 權力機構。

會員人數超過 300 人以上 ê 時，ē-sái 分區比例選出會員代表，tsiah koh 召開會員代表大會，行使會員大會職權。

會員代表任期 2 年，tāk 種名額 kap 選舉辦法由理事會擬訂，報請主管機關核備了後實施。

第 十 四 條 會員（會員代表）大會 ê 職權：

1. 制訂 kap 變更章程。
2. 選舉 kap 罷免理事、監事。
3. 議決入會費、常年會費、事業費 kap 會員捐款 ê 數額 kap 方式。
4. 議決年度工作計畫、報告 kap 預算、決算。

5. 議決會員（會員代表）ê 除名處分。
6. 議決財產 ê 處分。
7. 議決本會 ê 解散。
8. 議決 kap 會員權利義務有關 ê 其他重大事項。

前項第 8 款重大事項 ê 範圍由理事會議訂。

第十五條 本會設理事 9 人、監事 3 人，由會員（會員代表）進行選舉，分別成立理事會、監事會。

選舉前項理事、監事 ê 時，照計票情形 ē-sái 同時選出候補理事 3 人，候補監事 1 人，tú-tiòh 理事、監事出缺 ê 時，分別照順序遞補。

理事、監事攏是無薪職，任期 2 年，連選 ē-sái 連任。理事長 kan-ta ē-sái 連任 1 pái。理事、監事 ê 任期 ùi 召開本屆第 1 pái 理事會 hit 工開始計算。

本屆理事會 ē-sái 提出後屆理事、監事候選人 ê 參考名單。

理事、監事 ê 選舉 ē-sái 採用通訊辦理；m-koh bē-sái 連續辦理。通訊選舉辦法由理事會議決 koh 報主管機關核備了後實施。

第十六條 理事會 ê 職權：

1. 審定會員（會員代表）ê 資格。
2. 選舉 kap 罷免常務理事、理事長。
3. 議決理事、常務理事 kap 理事長 ê 辭職。
4. 議決理事、監事通訊選舉辦法。
5. 聘免工作人員。
6. 擬訂年度工作計畫、報告 kap 預算、決算。
7. 其他 ài 執行 ê 事項。

第十七條 理事會設常務理事 3 人，由理事互選，koh 由理事 tui 常務理事 nih 選 1 人做理事長。

理事長對內綜理督導會務，對外代表本會，koh 擔任會員大會、理事會主席。

理事長有代誌 bē-tàng 執行職務 ê 時，ài 指定常務理事 1 人代理；無指定 ah-sī bē-tàng 指定 ê 時，由常務理事互相推派 1 人代理。

理事長、常務理事出缺 ê 時，ài tī 1 個月以內補選。

第十八條 監事會 ê 職權：

1. 監察理事會工作 ê 執行。
2. 審查年度決算。
3. 選舉 kap 罷免常務監事。
4. 議決監事 kap 常務監事 ê 辭職。
5. 其他 ài 監察 ê 事項。

第十九條 監事會設常務監事1人，由監事互選，監察日常會務，koh 擔任監事會主席。

常務監事有代誌 bē-tàng 執行職務 ê 時，ài 指定監事 1 人代理；無指定 ah-sī bē-tàng 指定 ê 時，由監事互相推派 1 人代理。

監事會主席（常務監事）出缺 ê 時 ài tī 1 個月以內補選。

第二十條 理事、監事有下 pīng 所列 ê 事項其中 1 項--ê，tō ài 解任：

1. 失去會員（會員代表）資格--ê。
2. 因故辭職經過理事會 ah-sī 監事會決議通過--ê。
3. Hông 罷免 ah-sī 撤免--ê。
4. 受停權處分期間超過任期二分之一。

第二十一條 本會設秘書長 1 人，受理事長 ê 任命處理本會事務，其他工作人員由理事長提名，經過理事會通過聘免，koh 報主管機關備查。

前項工作人員 bē-tàng 由理事、監事擔任；工作人員權責 kap 分層負責事項由理事會另外制定；In ê 任用資格、權責、差勤、考核 kap 獎懲等等相關 ê 規定由理事會另外制定；In ê 薪資、福利、保險、資遣、退休 ah-sī 撫卹等等有關 ê 事項，由理事會看財務狀況訂定，提交會員（代表）大會通過了後實施。

第二十二條 本會 ē-sái 設各種委員會、小組 ah-sī 其他內部作業組織，伊 ê 組織簡則由理事會另外制定。

第二十三條 本會 ē-sái 由理事會議決聘請名譽理事長、名譽理事、顧問，in ê 聘期 kap 當屆理事、監事 ê 任期全。

第四章 會議

第二十四條 會員（會員代表）大會分做定期會議 kap 臨時會議 2 種，由理事長召集，召集 ê 時除去緊急事故 ê 臨時會議以外 ài tī 15 工進前用書面通知。

定期會議每年召開 1 pái，臨時會議 tī 理事會認為必要 ah-sī 經過會員（會員代表）五分一以上 ê 請求，ah-sī 監事會函請召集 ê 時召開。

本會辦理法人登記了後，臨時會議經過會員（會員代表）十分一以上 ê 請求召開。

第二十五條 會員（會員代表）bē-tàng 家已出席會員大會 ê 時，ē-sái 用書面委託其他會員（會員代表）代理，每 1 個會員（會員代表）kan-nā 代理 1 人 niā-niā。

第二十六條 會員（會員代表）大會 ê 決議，以會員（會員代表）過半數 ê 出席，ah-sī 出席人數較多數 ê 同意實施。M-koh 有下 pīng 所列事項 ê 決議以出席人數三分二以上同意實施。

1. 章程 ê 制訂 kap 變更。
2. 會員（會員代表）除名。
3. 理事、監事 ê 罷免。
4. 財產 ê 處分。
5. 本會 ê 解散。
6. 其他 kap 會員權利義務有關 ê 重大事項。

本會辦理法人登記了後，章程 ê 變更以出席人數四分三以上 ê 同意 ah-sī 全體會員三分二以上書面 ê 同意照行。

本會 ê 解散以全體會員三分二以上 ê 同意決行。

第二十七條 理事會、監事會至少每 6 個月各舉行會議 1 pái，必要 ê 時 ē-sái 召開聯席會議 ah-sī 臨時會議。

前項會議召集 ê 時除去臨時會議以外，ài tī 7 工前用書面通知，會議 ê 決議，各以理事、監事過半數 ê 出席，出席人數較多數 ê 同意照行。

第二十八條 理事 ài 出席理事會議，監事 ài 出席監事會議，理事會、監事會 bē-tàng 委託出席：理事、監事連續 2 pái 無故缺席理事會、監事會者，tòng 做辭職。

第五章 經費 kap 會計

第二十九條 本會經費來源：

1. 入會費：新台票 500 筭，tī 會員入會 ê 時納。
2. 常年會費：一般會員新台票 500 筭，學生會員新台票 300 筭，團體會員新台票 1000 筭。
3. 事業費。
4. 捐款。
5. 委託收益。
6. 基金 kap 利息。
7. 其他收入。

第三十條 本會會計年度以公元年為準，tùi 逐年 1 月初 1 開始到 12 月 31 日為止。

第三十一條 本會逐年 tī 會計年度開始進前 2 個月，由理事會編年度工作計畫、收支預算表、員工待遇表，提交會員大會通過（會員大會因故 bē-tàng 照日期召開，ài 先提交理監事聯席會議通過），tī 會計年度開始前報主管機關核備。並且 tī 會計年度 suah 了後 2 個月以內，由理事會編年度工作報告、收支決算表、現金出納表、資產負債表、財產目錄 kap 基金收支表，送監事會審查了，編寫審查意見書送還理事會，提交會員大會通過，tī 3 月底進前報主管機關核備（會員大會 bē-tàng 照日期召開，ài 先 ká 主管機關報備）。

第三十二條 本會 tī 解散了後，tshun ê 財產歸予會籍所在地 ê 地方自治團體 ah-sī 主管機關指定 ê 機關團體所有。

第六章 附則

第三十三條 本章程無規定 ê 事項，照有關法令 ê 規定辦理。

第三十四條 本章程經過會員（會員代表）大會通過，報主管機關核備了後實施，變更 ê 時 mā 全款。

第三十五條 本章程經過本會 2009 年 12 月 12 日第 1 屆第 1 pái 會員大會通過。

報內政部 2010 年 01 月 05 日台內社字第 0980242186 號函准備查。

註：本條記載通過章程 ê 會員大會、日期、屆次 kap 內政部核備 ê 日期、文號。

第三十六條 本會章程有台文版、越文版 kap 華文版，章程條文若有爭議 e 時，以台文版為準。

台越文化協會章程

章程訂定版本說明：

- 2009/5/27向內政部提出籌組申請，按部版定型稿擬章程草案。
- 2009/07/02 按內政部內社字第0980122143 號函修訂建議修改。
- 2009/09/01 依2009/0702版本於第一次籌備會議通過。
- 2009/10/16 根據第一次籌備會議通過版翻寫台文版。
- 依2009/10/16版於2009/12/12 會員大會討論通過。並報經內政部2010年01月05日台內社字第0980242186號函准備查。

越南文版

CHƯƠNG TRÌNH HIỆP HỘI VĂN HÓA ĐÀI VIỆT

Mục 1 Nguyên tắc chung

Điều 1 Hiệp hội văn hóa Đài Việt (dưới đây gọi tắt là Hiệp hội) lấy việc thúc đẩy giao lưu văn hóa, giáo dục và học thuật giữa Việt Nam và Đài Loan làm tôn chỉ hoạt động.

Điều 2 Hiệp hội được thành lập theo quy định của luật pháp, là tổ chức xã hội phi lợi nhuận.

Điều 3 Khu vực hành chính của Hiệp hội căn cứ theo khu vực hành chính trên toàn quốc.

Điều 4 Địa chỉ của Hiệp hội đặt tại khu vực quản lý của cơ quan chủ quản, khi thành lập phân hội phải được cơ quan chủ quản phê chuẩn thông qua.

Nguyên tắc hoạt động của phân hội do Ban điều hành hội đề xuất, được phép thi hành sau khi đã được cơ quan chủ quản phê duyệt.

Khi thay đổi địa chỉ Hiệp hội hoặc thành lập phân hội, phải thông báo bằng công văn cho cơ quan chủ quản biết và phê chuẩn.

Điều 5 Nhiệm vụ của Hiệp hội:

1. Thúc đẩy giao lưu hợp tác giữa các tổ chức giáo dục, nghiên cứu của Đài Loan và Việt Nam.
2. Thúc đẩy giao lưu, trưng bày, biểu diễn giữa các đoàn nghệ thuật, văn hóa của Đài Loan và Việt Nam.
3. Bồi dưỡng nguồn nhân lực thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam.
4. Giúp đỡ người Đài Loan tại Việt Nam hòa nhập cuộc sống và bảo vệ quyền lợi của họ.
5. Giúp đỡ người Việt Nam tại Đài Loan hòa nhập cuộc sống và bảo vệ quyền lợi của họ.
6. Tổ chức hội thảo khoa học về nghiên cứu so sánh Đài Loan và Việt Nam.
7. Tổ chức các hoạt động, các đoàn giao lưu văn hóa giữa Đài Loan và Việt Nam.
8. Tổ chức và quảng bá các chương trình dạy tiếng Việt và tiếng Đài.
9. Các hoạt động khác phù hợp với tôn chỉ của Hiệp hội.

Điều 6 Cơ quan chủ quản của Hiệp hội là Bộ Nội chính. Căn cứ vào tôn chỉ và nhiệm vụ đã định trong chương trình dự thảo, cơ quan sự nghiệp chủ quản chính là Bộ giáo dục và Ủy ban văn hóa

thuộc Viện hành chính. Mục đích của Hiệp hội phải thông qua sự giám sát và chỉ đạo của cơ quan chủ quản.

Mục 2 Hội viên

Điều 7 Hội viên Hiệp hội gồm 4 hình thức như sau:

1. **Hội viên cá nhân:** Tất cả những cá nhân tán thành tôn chỉ của Hiệp hội, mong muốn học tập, nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến Đài Loan và Việt Nam; hoặc yêu thích văn hóa Đài Loan, Việt Nam, có nguyện vọng thúc đẩy giao lưu văn hóa Việt – Đài đều có thể xin gia nhập Hiệp hội. Hội viên cá nhân của Hiệp hội gồm các hình thức:
 - 1.1. *Hội viên thông thường:* Tất cả những người tán thành tôn chỉ của Hiệp hội, từ 20 tuổi trở lên, đã điền đủ các thông tin vào đơn xin gia nhập Hiệp hội đồng thời được ít nhất một thành viên Hiệp hội giới thiệu, được Ban chấp hành Hiệp hội xem xét thông qua, sau khi nộp đủ hội phí sẽ được coi là Hội viên thông thường.
 - 1.2. *Hội viên học sinh:* Tất cả những người từ 18 tuổi trở lên, có giấy chứng nhận đang theo học, đã điền đủ các thông tin vào đơn xin gia nhập Hiệp hội đồng thời được ít nhất một thành viên Hiệp hội giới thiệu, được Ban chấp hành Hiệp hội xem xét thông qua, sau khi nộp đủ hội phí, sẽ được coi là Hội viên học sinh.
2. **Hội viên đoàn thể:** Tất cả những đoàn thể, tổ chức nhà nước và tư nhân tán thành tôn chỉ của Hiệp hội, đã điền đủ các thông tin vào đơn xin gia nhập Hiệp hội đồng thời được ít nhất một thành viên Hiệp hội giới thiệu, được Ban chấp hành Hiệp hội xem xét thông qua, sau khi nộp đủ hội phí, sẽ được coi là Hội viên đoàn thể. Hội viên đoàn thể cần cử nhiều nhất hai người thực thi các quyền lợi của hội viên trong đoàn thể.
3. **Hội viên tài trợ:** Tất cả các cá nhân, đoàn thể nhiệt tình hỗ trợ công việc của Hiệp hội, được Ban chấp hành Hiệp hội xem xét thông qua, sẽ được coi là Hội viên tài trợ.
4. **Hội viên danh dự:** Tất cả các cá nhân, đoàn thể có cống hiến đối với Hiệp hội, được Ban chấp hành Hiệp hội xem xét thông qua, sẽ được coi là Hội viên danh dự.

Điều 8 Hội viên (đại biểu hội viên) có quyền biểu quyết, tuyên cử, ứng cử và bị bãi miễn. Mỗi hội viên (đại biểu hội viên) có quyền bỏ một phiếu. Hội viên tài trợ, Hội viên học sinh, Hội viên danh dự không có các quyền trên.

Điều 9 Hội viên có nghĩa vụ tuân thủ các quy định trong chương trình của Hiệp hội, nghĩa vụ quyết nghị và nộp hội phí; những hội viên chưa nộp hội phí, không được hưởng các quyền lợi của hội viên. Hai năm liên tục không nộp hội phí bị coi như tự động rút khỏi hội.

Điều 10 Hội viên (đại biểu hội viên) nếu không chấp hành quyết định, chương trình của Hiệp hội hoặc không tuân thủ quyết nghị của đại hội hội viên, Ban chấp hành Hiệp hội sẽ xem xét có cảnh cáo hoặc đình chỉ quyền hội viên của hội viên đó hay không. Nếu hành vi của Hội viên có ảnh hưởng nghiêm trọng đến Hiệp hội, phải tổ chức đại hội hội viên để quyết định có khai trừ hội viên

đó hay không.

Điều 11 Những hội viên thuộc một trong các trường hợp sau sẽ bị khai trừ khỏi hội:

1. Tự đánh mất tư cách hội viên.
2. Bị đại hội hội viên quyết định khai trừ ra khỏi Hiệp hội.

Điều 12 Khi ra khỏi Hiệp hội, hội viên phải nộp bản tường trình lí do bằng văn bản.

Mục 3 Tổ chức và quyền hạn

Điều 13 Hiệp hội lấy Đại hội hội viên là cơ quan quyền lực tối cao.

Khi số hội viên Hiệp hội vượt quá 300 người, phải chọn đại biểu hội viên theo khu vực, sau đó triệu tập hội nghị đại biểu, thi hành quyền hạn của Đại hội hội viên.

Nhiệm kì của đại biểu hội viên là 2 năm. Số lượng đại biểu cũng như phương thức tuyển chọn đại biểu do Chủ tịch Hiệp hội đề xuất, thực thi sau khi đã được cơ quan chủ quản phê chuẩn.

Điều 14 Quyền hạn của Đại hội Hội viên (đại biểu hội viên):

1. Hoạch định và thay đổi chương trình của Hiệp hội.
2. Tuyển chọn và bãi miễn Chủ tịch hội và Giám sát của Hiệp hội.
3. Quyết định lệ phí gia nhập Hiệp hội, hội phí thường niên, kinh phí hoạt động cũng như mức tiền quyên góp của hội viên và phương thức nộp lệ phí.
4. Quyết định kế hoạch công tác hằng năm, báo cáo, dự toán và quyết toán.
5. Quyết định khai trừ hội viên (đại biểu hội viên).
6. Quyết định phân chia tài sản.
7. Quyết định giải tán Hiệp hội.
8. Quyết định các vấn đề quan trọng khác liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của hội viên.

Phạm vi của các vấn đề quan trọng của khoản tám điều này do Ban chấp hành quyết định

Điều 15 Hiệp hội có cơ cấu tổ chức gồm 9 thành viên trong Ban chấp hành, 3 thành viên giám sát do hội viên (đại biểu hội viên) tuyển chọn, lập thành hai ban: Ban chấp hành và Ban giám sát.

Khi bầu Ban chấp hành và Ban giám sát, căn cứ vào số phiếu bầu, lựa chọn 3 thành viên dự bị Ban chấp hành và 1 thành viên dự bị Ban giám sát. Trong trường hợp Ban chấp hành hoặc Ban giám sát bị thiếu thành viên, Hiệp hội sẽ bổ nhiệm bổ sung các thành viên dự bị vào Ban chấp hành và Ban giám sát theo thứ tự.

Ban chấp hành, Ban giám sát đều không được hưởng lương, nhiệm kì 2 năm. Nếu trúng cử liên tiếp có thể liên nhiệm. Chủ tịch hội có thể liên nhiệm tối đa 1 nhiệm kì. Nhiệm kì của Ban chấp hành, Ban giám sát được tính kể từ kì họp Ban chấp hành đầu tiên của Ban chấp hành đó.

Ban chấp hành của nhiệm kì này phải đề cử danh sách dự trừ Ban chấp hành, Ban giám sát cho nhiệm kì tiếp theo.

Việc bầu Ban chấp hành và Ban giám sát phải được thông báo chính thức, nhưng không cần thông tin liên tục. Thông tin về việc bầu Ban chấp hành phải thông qua Ban chấp hành quyết định đồng thời báo cáo cho cơ quan chủ quản phê duyệt, sau đó tiến hành.

Điều 16 Quyền hạn của Ban chấp hành Hiệp hội:

1. Thẩm định tư cách của hội viên (đại biểu hội viên).
2. Bổ nhiệm và bãi miễn thường vụ Ban chấp hành và Chủ tịch hội.
3. Quyết định việc từ chức của thành viên Ban chấp hành, thường vụ Ban chấp hành cũng như Chủ tịch hội.
4. Quyết định phương thức thông tin về việc bầu cử Ban chấp hành, Ban giám sát.
5. Tuyển chọn và bãi nhiệm nhân viên.
6. Dự thảo kế hoạch công tác thường niên, báo cáo, dự toán và quyết toán.
7. Xử lý các công việc khác cần giải quyết.

Điều 17 Ban chấp hành có nhiệm vụ tuyển chọn 3 thành viên trong Ban chấp hành vào thường vụ Ban chấp hành đồng thời từ thường vụ Ban chấp hành chọn ra một người đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội.

Chủ tịch Hội có nhiệm vụ quản lý, giám sát, chỉ đạo mọi việc trong Hiệp hội, là người đại diện của Hiệp hội trong các hoạt động đối ngoại đồng thời là chủ tịch của Hội nghị hội viên, Hội nghị Ban chấp hành.

Nếu Chủ tịch có việc, không thể đảm nhiệm công việc của hội, cần chỉ định một thành viên trong Ban thường vụ thế nhiệm. Trong trường hợp Chủ tịch không hoặc không thể chỉ định thành viên thế nhiệm, Ban thường vụ sẽ tự chọn ra một thành viên trong Ban để thay thế.

Khi Chủ tịch, thành viên Ban thường vụ nghỉ việc, cần bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên Ban thường vụ mới trong vòng một tháng.

Điều 18 Quyền hạn của Ban giám sát:

1. Giám sát công việc của Ban chấp hành.
2. Thẩm tra quyết toán hàng năm.
3. Tuyển cử và bãi miễn thường vụ Giám sát.
4. Quyết định việc từ chức của Giám sát và Thường vụ Giám sát.
5. Các công việc khác cần sự giám sát.

Điều 19 Ban giám sát có nhiệm vụ chọn ra một người Giám sát thường trực, do Ban giám sát tuyển chọn. Người này có chức năng giám sát các công việc thường ngày của Hội, đồng thời cũng đảm nhiệm chức chủ tịch Hội đồng giám sát.

Khi Giám sát thường trực vì có việc không thể chấp hành chức vụ, nên chỉ định một người khác để thay thế mình. Nếu trong trường hợp chưa chỉ định hoặc không thể chỉ định, khi ấy Hội đồng giám sát sẽ cùng chọn ra một người để thay thế.

Khi chức vụ Chủ tịch Hội đồng giám sát (Giám sát thường trực) bị khuyết thiếu, nội trong vòng một tháng nên tuyển chọn người kế nhiệm.

Điều 20 Thành viên thuộc Ban chấp hành, Hội đồng giám sát, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây, sẽ lập tức bị bãi nhiệm chức vụ:

1. Người làm mất tư cách Hội viên (Đại biểu Hội viên).
2. Người đệ đơn xin từ chức và được Ban chấp hành và Hội đồng giám sát thông qua.

3. Người bị cách chức hoặc bị miễn nhiệm.
4. Người bị đình chỉ tư cách quá một phần hai nhiệm kỳ.

Điều 21 Hội cần cử ra một người giữ chức vụ Tổng Thư kí, thực thi các nhiệm vụ của hội do Chủ tịch Hội đưa ra. Các nhân viên khác đều do Chủ tịch Hội đề cử và phải được Ban chấp hành thông qua để mời hoặc bãi nhiệm vị trí công tác đó, đồng thời báo cho các cơ quan chủ quản thẩm tra.

Nhân viên theo mục này không được do Ban chấp hành và Ban giám sát đảm nhiệm; Quyền lợi, trách nhiệm và việc phân cấp quản lí công việc của những nhân viên này là do Ban chấp hành Hội qui định; Tư cách, quyền hạn, đánh giá chuyên cần, sát hạch và thưởng phạt... của nhân viên đều do Ban chấp hành Hội qui định. Tiền lương, phúc lợi, bảo hiểm, điều động, nghỉ hưu... đều do Ban chấp hành Hội dựa vào tình hình tài vụ mà quyết định, đồng thời đề nghị Đại hội Đại biểu Hội viên thông qua sau đó sẽ thực thi.

Điều 22 Hội sẽ thành lập các ban chấp hành, các tổ công tác và các tổ chức tác nghiệp nội bộ khác. Những tổ chức này sẽ do Ban chấp hành Hội qui định.

Điều 23 Hội thông qua Hội nghị Ban chấp hành quyết định mời các Chủ tịch danh dự, các Ban chấp hành danh dự, cố vấn. Việc mời các chức vụ diễn ra và có kì hạn cùng thời điểm với nhiệm kì của Hội đồng giám sát và Hội đồng ban chấp hành hiệp hội khóa đó.

Mục 4 Hội nghị

Điều 24 Đại hội Hội viên (Đại biểu Hội viên) phân thành hai loại: Hội nghị định kì và Hội nghị lâm thời, do Chủ tịch Hội đồng Hội triệu tập. Khi triệu tập, ngoài những cuộc họp tiến hành vì lí do khẩn cấp ra, các Hội nghị khác nên thông báo bằng văn bản cho các hội viên trước 15 ngày.

Hội nghị định kì mỗi năm họp một lần, hội nghị lâm thời được tổ chức khi các thành viên Ban chấp hành thấy thực sự cần thiết, hoặc 1/5 Đại biểu Hội viên trở lên yêu cầu, hoặc Hội đồng giám sát mời triệu tập.

Sau khi Hội đãng hoàn thành đăng kí pháp nhân, Hội nghị lâm thời sẽ do 1/10 Hội viên trở lên yêu cầu họp.

Điều 25 Hội viên (Đại biểu Hội viên) khi không thể tham dự cuộc họp, phải có một văn bản ủy nhiệm cho các hội viên khác thay mình xử lý, mỗi một hội viên được ủy nhiệm tối đa là một người.

Điều 26 Quyết nghị của Đại hội Hội viên (Đại biểu Hội viên), dựa vào sự đồng ý của hơn một nửa số hội viên tham gia phiên họp để thực thi. Nhưng những quyết nghị sau đây phải dựa trên sự đồng ý của 2/3 số người tham gia họp trở lên:

1. Bàn định và thay đổi chương trình.
2. Khai trừ hội viên (Đại biểu Hội viên).
3. Bãi miễn Ban chấp hành, Hội đồng giám sát.
4. Xử lý tài sản.
5. Giải thể Hội.
6. Những vấn đề quan trọng có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ khác của hội viên.

Hội sau khi đăng kí tư cách pháp nhân, sự thay đổi chương trình phải lấy 3/4 số người tham dự đồng ý trở lên hoặc 2/3 toàn thể hội viên trở lên đồng ý thực thi văn bản.

Sự giải thể của Hội phải lấy số phiếu của 2/3 toàn thể hội viên trở lên đồng ý mới có thể thực thi.

Điều 27 Ban chấp hành, Hội đồng giám sát ít nhất 6 tháng lại cử hành hội nghị một lần, khi cần phải triệu tập Hội nghị liên tịch hoặc Hội nghị lâm thời.

Hội nghị như mục trên đã đề cập khi triệu tập, ngoài Hội nghị lâm thời ra, phải thông báo bằng văn bản cho các hội viên trước 7 ngày. Quyết nghị của Hội nghị, lấy sự đồng ý của hơn một nửa số những người tham gia để thi hành.

Điều 28 Ban chấp hành phải tham gia Hội nghị Ban chấp hành, Hội đồng giám sát phải tham gia vào Hội nghị hội đồng giám sát. Ban chấp hành, Hội đồng giám sát không thể ủy thác vắng mặt. Những người thuộc Ban chấp hành hoặc Hội đồng giám sát nếu liên tục 2 lần vô cớ vắng mặt trong Hội nghị ban chấp hành hoặc Hội nghị ban giám sát, sẽ bị coi như từ chức.

Mục 5 Kinh phí và Tài chính Kế toán

Điều 29 Hiệp hội có nguồn kinh phí từ:

1. Phí hội viên: 500 NT, mỗi hội viên khi nhập hội phải đóng góp khoản này.
2. Hội phí thường niên: Hội viên thông thường là 500 NT; Hội viên là học sinh, sinh viên là 300 NT; Hội viên đoàn thể là 1000 NT.
3. Phí sự nghiệp.
4. Tiền quyên góp từ hội viên.
5. Lợi nhuận ủy thác.
6. Tiền quỹ và lợi tức từ tiền đó.
7. Các khoản thu nhập khác.

Điều 30 Quyết toán của Hội mỗi năm lấy năm công lịch làm chuẩn, tính từ ngày 1/1 hàng năm đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Điều 31 Vào 2 tháng trước khi quyết toán tài chính hàng năm bắt đầu, Ban chấp hành Hội thiết lập và đề ra kế hoạch công tác, dự toán thu chi, mức đãi ngộ nhân viên và trình lên Đại hội Hội viên thông qua (Đại hội hội viên nếu vì sự cố mà chưa thể khai họp theo kì hạn đã định, thì cần gửi đến cho Hội nghị liên tịch Ban chấp hành và Hội đồng giám sát thông qua), Trước khi năm tài chính bắt đầu thì phải báo cho cơ quan chủ quản biết và phê chuẩn. Sau khi năm tài chính kết thúc nội trong 2 tháng, Ban chấp hành phải báo cáo công tác năm, quyết toán thu chi, bảng xuất nạp tiền mặt, biểu ghi nợ vay vốn, mục lục tài sản và biểu thu chi tiền vốn... Tất cả những biên bản này sau khi đưa đến cho Hội đồng giám sát thẩm tra xong, sau khi thẩm tra và viết văn bản nhận xét, sẽ phải đưa lại cho Ban chấp hành để gửi cho các hội viên thông qua. Trước cuối tháng 3 phải báo cho cơ quan chủ quản thẩm tra (Khi Đại hội hội viên không thể diễn ra như kì hạn, thì báo cho cơ quan chủ quản trước).

Điều 32 Hội sau khi giải thể, những tài sản thừa lại đều sung vào cho các đoàn thể tự trị của địa phương hoặc các cơ quan đoàn thể được cơ quan chủ quản chỉ định.

Mục 6 Điều khoản bổ sung

Điều 33 Những hạng mục chưa được qui định trong dự thảo này, sẽ được xử lý dựa theo qui định pháp luật.

Điều 34 Bản chương trình do Đại hội Hội viên (Đại biểu hội viên) thông qua, sau khi báo cho cơ quan chủ quản thẩm tra thì thi hành, khi thay đổi cũng cần như vậy.

Điều 35 Chương trình này đã được Hiệp hội Khóa ngày 12 tháng 12 năm 2009. Đại hội Hội viên lần thứ 1 nhiệm kì thứ 1 thông qua.

Báo đến Bộ Nội chính ngày 05 tháng 01 năm 2010, Số công văn 0980242186 thông qua.

Chú thích: Điều này nói rõ số văn bản, thời gian, số kỳ Đại hội, số kỳ họp đại hội Hội viên, và số công văn, thời gian phê chuẩn của Bộ nội chính.

Điều 36 Chương trình Hiệp hội gồm bản tiếng Đài, tiếng Việt và tiếng Hoa, trong trường hợp có sự tranh cãi về các điều khoản của Chương trình, lấy bản tiếng Đài làm chuẩn.

Chú thích: Điều này nói rõ số văn bản, thời gian, số kỳ Đại hội, số kỳ họp đại hội Hội viên, và số công văn, thời gian phê chuẩn của Bộ nội chính.

台越文化協會章程

章程訂定版本說明：

- 2009/5/27向內政部提出籌組申請，按部版定型稿擬章程草案。
- 2009/07/02 按內政部內社字第0980122143 號函修訂建議修改。
- 2009/09/01 依2009/0702版本於第一次籌備會議通過。
- 2009/10/16 根據第一次籌備會議通過版翻寫台文版。
- 依2009/10/16版於2009/12/12 會員大會討論通過。並報經內政部2010年01月05日台內社字第0980242186號函准備查。

第一章 總則

- 第一條 台越文化協會（以下簡稱本會）以促進台灣、越南的文化、教育與學術互動為宗旨。
- 第二條 本會為依法設立、非以營利為目的的社會團體。
- 第三條 本會以全國行政區域為組織區域。
- 第四條 本會會址設於主管機關所在地區，並得報經主管機關核准設分支機構。前項分支機構組織簡則由理事會擬訂，報請主管機關核准後照行。會址及分支機構的地址於設置及變更時應函報主管機關核備。
- 第五條 本會的任務如下：
1. 促進台灣、越南學術教育機關的交流。
 2. 促進台灣、越南文化表演、藝術團體的相互展演。
 3. 培訓促進台灣、越南文化交流的人才。
 4. 協助在越南的台灣人民在地生活適應與權益保障。
 5. 協助在台灣越南人民在地生活適應與權益保障。
 6. 辦理台灣、越南比較研究的學術研討會。
 7. 辦理台灣、越南文化交流的相關營隊及活動。
 8. 辦理台語、越南語的推廣課程及活動。
 9. 其他符合宗旨的事項。
- 第六條 本會的主管機關為內政部。目的事業機關依章程所訂宗旨、任務主要為教育部及行政院文化建設委員會。本會的目的應受各主管機關的指導、監督。

第二章 會員

- 第七條 本會會員分下列 4 種：
- 1.個人會員：凡認同本會宗旨，有志於台灣或越南相關學習、研究者，或對台

灣、越南文化有興趣、對台灣、越南文化交流熱心有意推廣者，可向本會申請入會。本會個人會員分爲：

1.1 一般會員：凡認同本會宗旨、年滿 20 歲，填具入會申請書，且由本會會員 1 人以上推薦，經理事會審查通過，並繳納會費後，爲個人會員。

1.2 學生會員：年滿 18 歲以上，附在學證明，填具入會申請書，且由本會會員 1 人以上推薦，經理事會審查通過，並繳納會費後，爲學生會員。

2. 團體會員：凡認同本會宗旨的公私立機構或團體，填具入會申請書，且由本會會員 1 人以上推薦，經理事會審查通過，並繳納會費後，爲團體會員。團體會員得推派代表至多 2 人，行使會員權利。

3. 贊助會員：凡熱心贊助本會工作的團體或個人，經理事會審查通過，爲贊助會員。

4. 榮譽會員：對本會有所貢獻的個人或團體，經理事會審查通過，爲榮譽會員。

第 八 條 會員（包含一般會員、團體會員代表、會員代表）有表決權、選舉權、被選舉權及罷免權，以上每位會員爲一權。贊助會員、學生會員及榮譽會員無前項權利。

第 九 條 會員有遵守本會章程、決議及繳納會費的義務；未繳納會費者，不得享有會員權利。連續 2 年未繳納會費者，視爲自動退會。

第 十 條 會員（會員代表）有違反法令、章程或不遵守會員大會決議時，得經理事會決議，予以警告或停權處分，其危害團體情節重大者，得經會員大會決議予以除名。

第 十一 條 會員有下列情事之一者，爲出會：

1. 喪失會員資格者。
2. 經會員大會決議除名者。

第 十二 條 會員得以書面向本會聲明退會。

第三章 組織及職權

第 十三 條 本會以會員大會爲最高權力機構。

會員人數超過 300 名以上時，得分區比例選出會員代表，再召開會員代表大會，行使會員大會職權。

會員代表任期 2 年，其各名額及選舉辦法由理事會擬訂，報請主管機關核備後實施。

第 十四 條 會員（會員代表）大會的職權：

1. 訂定及變更章程。
2. 選舉及罷免理事、監事。
3. 議決入會費、常年會費、事業費及會員捐款的數額及方式。
4. 議決年度工作計畫、報告及預算、決算。
5. 議決會員（會員代表）的除名處分。

6. 議決財產的處分。
7. 議決本會的解散。
8. 議決與會員權利義務有關的其他重大事項。

前項第 8 款重大事項的範圍由理事會議訂。

第十五條 本會設理事 9 人、監事 3 人，由會員（會員代表）進行選舉，分別成立理事會、監事會。

選舉前項理事、監事時，依計票情形得同時選出候補理事 3 人，候補監事 1 人，遇理事、監事出缺時，分別依序遞補。

理事、監事均為無給職，任期 2 年，連選得連任。理事長的連任，以 1 次為限。理事、監事的任期自召開本屆第 1 次理事會之日起計算。

本屆理事會得提出下屆理事、監事候選人參考名單。

理事、監事的選舉得採用通訊辦理；但不得連續辦理。通訊選舉辦法由理事會議決並報主管機關核備後實施。

第十六條 理事會的職權：

1. 審定會員（會員代表）的資格。
2. 選舉及罷免常務理事、理事長。
3. 議決理事、常務理事及理事長的辭職。
4. 議決理事、監事通訊選舉辦法。
5. 聘免工作人員。
6. 擬訂年度工作計畫、報告及預算、決算。
7. 其他應執行事項。

第十七條 理事會置常務理事 3 人，由理事互選，並由理事就常務理事中選舉 1 人為理事長。

理事長對內綜理督導會務，對外代表本會，並擔任會員大會、理事會主席。

理事長因事不能執行職務時，應指定常務理事 1 人代理；未指定或不能指定時，由常務理事互推 1 人代理。

理事長、常務理事出缺時，應於 1 個月內補選。

第十八條 監事會的職權：

1. 監察理事會工作的執行。
2. 審核年度決算。
3. 選舉及罷免常務監事。
4. 議決監事及常務監事的辭職。
5. 其他應監察事項。

第十九條 監事會置常務監事 1 人，由監事互選，監察日常會務，並擔任監事會主席。

常務監事因事不能執行職務時，應指定監事 1 人代理；未指定或不能指定時，由監事互推 1 人代理。

監事會主席（常務監事）出缺時應於 1 個月內補選。

第二十條 理事、監事有下列情事之一者，應即解任：

1. 喪失會員（會員代表）資格者。
2. 因故辭職經理事會或監事會決議通過者。
3. 被罷免或撤免者。
4. 受停權處分期間逾任期 1/2 者。

第二十一條 本會置秘書長 1 人，承理事長之命處理本會事務，其他工作人員由理事長提名，經理事會通過聘免，並報主管機關備查。

前項工作人員不得由理事監事擔任；工作人員權責及分層負責事項由理事會另定；其任用資格、權責、差勤、考核及獎懲等相關規定由理事會另定之；其薪資、福利、保險、資遣、退休或撫卹等有關事項，由理事會視財務狀況訂定，並提會員（代表）大會通過後實施。

第二十二條 本會得設各種委員會、小組或其他內部作業組織，其組織簡則由理事會另定。

第二十三條 本會得由理事會議決聘請名譽理事長、名譽理事、顧問，其聘期與當屆理事、監事之任期相同。

第四章 會議

第二十四條 會員（會員代表）大會分定期會議與臨時會議二種，由理事長召集，召集時除緊急事故的臨時會議外應於 15 日前以書面通知。

定期會議每年召開 1 次，臨時會議於理事會認為必要，或經會員（會員代表）1/5 以上的請求，或監事會函請召集時召開。

本會辦理法人登記後，臨時會議經會員（會員代表）1/10 以上的請求召開。

第二十五條 會員（會員代表）不能親自出席會員大會時，得以書面委託其他會員（會員代表）代理，每 1 一會員（會員代表）以代理 1 人為限。

第二十六條 會員（會員代表）大會的決議，以會員（會員代表）過半數之出席，出席人數較多數的同意實施。但下列事項的決議以出席人數 2/3 以上同意實施。

1. 章程的訂定與變更。
2. 會員（會員代表）的除名。
3. 理事、監事的罷免。
4. 財產的處分。
5. 本會的解散。
6. 其他與會員權利義務有關的重大事項。

本會辦理法人登記後，章程的變更以出席人數 3/4 以上的同意或全體會員 2/3 以上書面的同意照行。

本會的解散以全體會員 2/3 以上同意決行。

第二十七條 理事會、監事會至少每 6 個月各舉行會議一次，必要時得召開聯席會議或臨時會議。

前項會議召集時除臨時會議外，應於 7 日前以書面通知，會議的決議，各以理事、監事過半數的出席，出席人數較多數的同意照行。

第二十八條 理事應出席理事會議，監事應出席監事會議，理事會、監事會不得委託出席；理事、監事連續 2 次無故缺席理事會、監事會者，視同辭職。

第五章 經費及會計

第二十九條 本會經費來源：

1. 入會費：新台幣 500 元，於會員入會時繳納。
2. 常年會費：一般會員新台幣 500 元，學生會員新台幣 300 元，團體會員新台幣 1000 元。
3. 事業費。
4. 會員捐款。
5. 委託收益。
6. 基金及其孳息。
7. 其他收入。

第三十條 本會會計年度以公曆年為準，自每年 1 月 1 日起至 12 月 31 日止。

第三十一條 本會每年於會計年度開始前 2 個月由理事會編造年度工作計畫、收支預算表、員工待遇表，提會員大會通過（會員大會因故未能如期召開者，先提理監事聯席會議通過），於會計年度開始前報主管機關核備。並於會計年度終了後 2 個月內，由理事會編造年度工作報告、收支決算表、現金出納表、資產負債表、財產目錄及基金收支表，送監事會審核後，造具審核意見書送還理事會，提會員大會通過，於 3 月底前報主管機關核備（會員大會未能如期召開者，先報主管機關）。

第三十二條 本會於解散後，剩餘財產歸屬所在地的地方自治團體或主管機關指定的機關團體所有。

第六章 附則

第三十三條 本章程未規定事項，依有關法令規定辦理。

第三十四條 本章程經會員（會員代表）大會通過，報經主管機關核備後施行，變更時亦全。

第三十五條 本章程經本會 2009 年 12 月 12 日第 1 屆第 1 次會員大會通過。

報經內政部 2010 年 01 月 05 日台內社字第 0980242186 號函准備查。

註：本條載明通過章程的會員大會、日期、屆次及內政部核備的日期、文號。

第三十六條 本會章程有台文版、越文版及華文版，章程條文若有爭議時，以台文版為準。